TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 19/01/2021
V/v: "Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Chung và ông Lê Dũng Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Trương Phúc L** – sinh năm 1985 và chị **Phạm Thị Hương L** – sinh năm 1991

Địa chỉ: Số nhà x, Khu phố y, phường T.V, thành phố B.H, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Lý Minh T** – sinh năm 1998 và ông **Lý Ngọc H** – sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp z, xã P.T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Chị **Đinh Thị Thúy H** – sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp k, xã N.T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Anh L, chị L, chị H và ông H có đơn giải quyết vắng mặt; anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/12/2019 và lời khai trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trương Phúc L và chị Phạm Thị Hương L (do chị Đinh Thị Thúy H là người đại diện hợp pháp) trình bày:

Anh Trương Phúc L và chị Phạm Thị Hương L được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 289, tờ bản đồ

9 xã P.T ngày 10/9/2012; đất có nguồn gốc nhận tặng cho từ cha mẹ anh L là ông Phạm Đình C và bà Phạm Thị S.

Anh L, chị L quản lý, sử dụng đất từ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2012 cho đến năm 2017 thì ông Lý Ngọc H xây dựng nền, móng, tường trên đất, đồng thời anh Lý Minh T cùng hỗ trợ cho ông H trong việc chiếm giữ tài sản nên phát sinh tranh chấp. Thời điểm hòa giải đất đai tại UBND xã P.T vào tháng 11/2019 thì anh T có mặt thừa nhận đang quản lý tài sản tranh chấp, còn ông H thì vắng mặt.

Do các bên không thỏa thuận được, hòa giải không thành nên nguyên đơn khởi kiện và sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu anh Lý Minh T và ông Lý Ngọc H có trách nhiệm trả lại tài sản là quyền sử dụng đất cho nguyên đơn đối với thửa đất số 289, tờ bản đồ 9 xã P.T (Đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/2012 cho anh L và chị L), có diện tích thực tế là 204,5m^2 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4',5,1) theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 276/2020 ngày 14/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Tân Phú; yêu cầu tháo dỡ các tài sản trên diện tích đất đã lấn chiếm (gồm nền, móng, tường xây).

Ngoài ra không ai có công sức giữ gìn tôn tạo gì với diện tích đất tranh chấp. Nguyên đơn hiện nay không cho ai thuê, thế chấp, quản lý, canh tác, đầu tư tài sản trên đất mà có liên quan đến phần đất tranh chấp. Việc tranh chấp giữa các đương sự không có liên quan đến ai khác để tham gia tố tụng.

Đối với Trích lục và đo chỉnh lý khu đất bản đồ địa chính số 276/2020 ngày 14/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Tân Phú thì nguyên đơn đồng ý. Đối với tài sản và giá trị tài sản (quyền sử dụng đất phần tranh chấp và tài sản trên phần diện tích đất tranh chấp là nền, móng, tường do ông H xây dựng) theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 17/7/2020 thì nguyên đơn đồng ý và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền chi phí tố tụng thì nguyên đơn tự nguyện chịu.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Lý Minh T trình bày:

Anh Lý Minh T hiện đang quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 289, tờ bản đồ 9 xã P.T. Trên diện tích đất tranh chấp có tài sản là nền, móng, tường do ông Lý Ngọc H xây dựng khoảng năm 2017 đến năm 2018, sau khi có tranh chấp thì ông H ngừng xây dựng. Nguồn gốc đất tranh chấp là tài sản riêng của mẹ anh là bà Phạm Thị B (đã chết năm 2009) để lại cho anh T và ông H sử dụng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh; đối với việc nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh T thừa nhận diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là đúng hiện trạng sử dụng, đồng ý đối với tài sản và giá trị tài sản theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá. Anh T không đồng ý trả cho nguyên đơn diện tích đất đã chiếm giữ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng không chiếm giữ đất của nguyên đơn; không có yêu cầu phản tố.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn ông Lý Ngọc H trình bày:

Ông Lý Ngọc H có quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 289, tờ bản đồ 9 xã P.T, cho đến năm 2017 đến năm 2018 thì ông H có xây dựng

nền, móng, tường (là tài sản riêng của ông), sau khi có tranh chấp thì ông H ngừng xây dựng. Nguồn gốc đất tranh chấp là tài sản riêng của vợ ông là bà Phạm Thị B (đã chết năm 2009) để lại cho anh T và ông H sử dụng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh; đối với việc ông nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông H thừa nhận diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế là đúng hiện trạng sử dụng, đồng ý đối với tài sản và giá trị tài sản theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá. Ông H không đồng ý trả cho nguyên đơn diện tích đất đã chiếm giữ và tháo dỡ các tài sản trên diện tích đất đã lấn chiếm (gồm nền, móng, tường xây) theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng không chiếm giữ đất của nguyên đơn; không có yêu cầu phản tố.

Tòa án đã tiến hành sao gửi các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp cho các đương sự khác và thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các đương sự. Các đương sự không có ý kiến gì khác đối với các tài liệu, chứng cứ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình, bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Anh L, chị L, chị H và ông H có đơn giải quyết vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L, chị L về việc yêu cầu anh T, ông H phải trả lại diện tích đất đã chiếm giữ 204,5m^2 (đo đạc thực tế) được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4',5,1) theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 276/2020 ngày 14/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Tân Phú tại thửa đất số 289, tờ bản đồ 9 xã P.T (Đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/2012 cho anh L và chị L).

- Về chi phí tố tụng, án phí: Đương sự phải chịu chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Lý Minh T và ông Lý Ngọc H có nơi cư trú tại xã P.T, huyện Tân Phú và đối tượng tranh chấp trong vụ án là bất động sản (gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất tại bản đồ địa chính xã P.T, huyện Tân Phú) nên Tòa án nơi bị đơn cư trú và nơi có bất động sản

có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật, tư cách tố tụng: Anh Trương Phúc L và chị Phạm Thị Hương L khởi kiện anh T, ông H trả lại tài sản là quyền sử dụng đất do chiếm hữu trái phép theo Điều 166 Bộ luật dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất" theo quy định tại khoản 2 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định tư cách đương sự anh L, chị L là nguyên đơn và anh T, ông H là bị đơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với chị Lý Ngọc Thanh (là con của ông H và bà B), các đương sự thừa nhận quá trình tranh chấp thì chị Thanh không có hành vi gì chiếm giữ, không trực tiếp sinh sống, làm việc hay sử dụng, đầu tư tài sản gì trên phần diện tích đất tranh chấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét đưa vào tham gia tư cách tố tụng trong vụ án.

Về thời hiệu khởi kiện: Căn cứ Điều 155 Bộ luật dân sự và Điều 184, Điều 185 Bộ luật Tố tụng dân sự, đối với tranh chấp về kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh L, chị L, chị H và ông H có đơn giải quyết vắng mặt, anh T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện:

Anh L, chị L khởi kiện và thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện yêu cầu anh T, ông H phải trả lại diện tích đất đã chiếm giữ 204,5m^2 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4',5,1) theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 276/2020 ngày 14/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Tân Phú tại thửa đất số 289, tờ bản đồ 9 xã P.T (Đã được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/2012 cho anh L và chị L); buộc tháo dỡ các tài sản trên diện tích đất đã lấn chiếm (gồm nền, móng, tường xây). Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo diện tích đo đạc thực tế và được thụ lý vụ án về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Anh T, ông H không đồng ý trả cho nguyên đơn diện tích đất đã chiếm giữ và ông H không đồng ý tháo dỡ các tài sản trên diện tích đất đã lấn chiếm (gồm nền, móng, tường xây) theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng không chiếm giữ đất của nguyên đơn mà diện tích đất tranh chấp đang quản lý, sử dụng này là tài sản riêng của bà Phạm Thị B để lại cho anh T và ông H sử dụng.

[2.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Anh L, chị L được Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 289, tờ bản đồ số 9 xã P.T ngày 10/9/2012; có nguồn gốc nhận tặng cho từ cha mẹ anh L là ông Phạm Đình C và bà Phạm Thị S (cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/9/2010).

Nguồn gốc đất của ông C, bà S là do nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị B

– sinh năm 1959 (Địa chỉ: Ấp 7, xã P.T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; đã chết năm 2009; là mẹ anh Lý Minh T, vợ ông Lý Ngọc H) theo "Giấy bán đất nền" đề ngày 04/7/1996, sau đó phía ông C, bà S đã đăng ký kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ông H và bà B là vợ chồng. Theo nguồn gốc đất tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và theo lời khai thừa nhận của ông H thì xác định quyền sử dụng thửa đất số 289, tờ bản đồ số 9 xã P.T là tài sản riêng của cá nhân bà B, sau đó bà B đã chuyển nhượng cho ông C, bà S.

[2.2] Theo Trích lục và đo chỉnh lý khu đất bản đồ địa chính số 276/2020 ngày 14/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Tân Phú và Công văn số 3620/UBND-NC ngày 14/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Tân Phú:

Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 289, tờ bản đồ số 9 xã P.T cho nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Thửa đất số 289, tờ bản đồ số 9 xã P.T thành lập năm 2000 được cập nhật biến động thường xuyên đến thời điểm khai thác ngày 11/7/2020, thời điểm đo đạc thực tế có kiểm tra đối soát ngoài thực địa về hình thể, ranh giới diện tích có thay đổi so với bản đồ địa chính và diện tích thửa đất có tăng thêm là do đo đạc bản đồ địa chính cũ có sai ranh, có một phần diện tích lấn đất giao thông.

Kết quả đo đạc ngày 11/7/2020 theo chỉ dẫn của đương sự thể hiện phần diện tích đất tranh chấp 204,5m^2 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4',5,1) theo bản vẽ có vị trí nằm hoàn toàn trên thửa đất số 289, tờ bản đồ số 9 xã P.T đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn.

Như vậy, anh T và ông H đã sử dụng, chiếm hữu và ông H xây dựng tài sản (gồm nền, móng, tường xây là tài sản riêng của ông H) không có căn cứ pháp luật đối với phần đất 204,5m^2 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4',5,1).

[2.3] Qua xác minh và tài liệu, chứng cứ thể hiện, đối với diện tích đất đo đạc theo thực tế 204,5m^2 được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4',5,1) có tứ cận giáp ranh đều được chủ sử dụng đất liền kề sử dụng ổn định từ khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có hiện trạng không thay đổi và không lấn chiếm, tranh chấp với ai, quá trình đo đạc chỉnh lý theo bản đồ địa chính năm 2015 và đo chỉnh lý theo Trích lục và đo chỉnh lý khu đất bản đồ địa chính số 276/2020 ngày 14/9/2020 thì các chủ sử dụng đất giáp ranh đều thừa nhận và đồng ý hiện trạng và việc diện tích đất tăng thêm không có xảy ra tranh chấp, không có ảnh hưởng gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo kết quả đo đạc thực tế là phù hợp với hiện trạng sử dụng và đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với việc anh T, ông H cho rằng không chiếm giữ đất của nguyên đơn mà diện tích đất tranh chấp đang quản lý, sử dụng này là tài sản riêng của bà Phạm Thị B để lại cho anh T và ông H sử dụng nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về nguồn gốc diện tích đất đang quản lý, chiếm hữu tranh chấp trong vụ án là có căn cứ pháp luật; đối với việc nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh T, ông H đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về giá trị tài sản: Theo Biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá ngày 17/7/2020 thì các đương sự thừa nhận, đồng ý tài sản và giá trị tài sản tranh

chấp gồm có Quyền sử dụng đất tranh chấp trị giá 224.451.020đ, công trình xây dựng (gồm nền, móng, tường xây) trị giá 15.400.500đ; tổng cộng là 239.851.520đ.

[3] Do bị đơn anh T, ông H quản lý sử dụng, chiếm hữu tài sản là quyền sử dụng đất tranh chấp trong vụ án không có căn cứ pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật dân sự nên nguyên đơn anh L, chị L khởi kiện là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

[5] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất, tháo dỡ các tài sản trên diện tích đất đã lấn chiếm của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc (513.000đ), xem xét, thẩm định tại chỗ (1.000.000đ) và định giá tài sản (2.000.000đ), tổng cộng là 3.513.000đ (Ba triệu năm trăm mười ba nghìn đồng), nguyên đơn đã nộp đủ và tự nguyện chịu nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị đơn anh T, ông H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về kiện đòi tài sản. Trả lại cho anh L, chị L số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí.

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, 144, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 165, khoản 1 Điều 166, Điều 184, Điều 185, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 155, khoản 2 Điều 165, Điều 166, Điều 174, Điều 175 và Điều 176 Bộ luật dân sự;

- Điều 166, Điều 167, Điều 168, Điều 169 và Điều 170 Luật Đất đai;

- Khoản 2 Điều 26 và khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trương Phúc L và chị Phạm Thị Hương L về việc "Tranh chấp kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất" đối với bị đơn anh Lý Minh T và ông Lý Ngọc H.

Buộc anh Lý Minh T và ông Lý Ngọc H trả lại cho anh Trương Phúc L và chị Phạm Thị Hương L thửa đất số 289, tờ bản đồ 9 xã P.T có diện tích 204,5m^2 theo đo đạc thực tế được giới hạn bởi các mốc (1,2,3,4',5,1) theo Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 276/2020 ngày 14/9/2020 của Văn phòng đăng ký đất

đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Tân Phú, buộc ông H tháo dỡ các tài sản gắn liền với phần đất phải trả lại (gồm nền, móng, tường xây).

(Hiện trạng tài sản được mô tả theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 17/7/2020 của Tòa án và Biên bản định giá tài sản ngày 17/7/2020 của Hội đồng định giá)

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Trương Phúc L và chị Phạm Thị Hương L đã nộp đủ và tự nguyện chịu chi phí tố tụng là 3.513.000đ (Ba triệu năm trăm mười ba nghìn đồng).

3. Về án phí: Anh Lý Minh T và ông Lý Ngọc H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Trả lại cho anh Trương Phúc L và chị Phạm Thị Hương L số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005977 ngày 21/4/2020 và số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003734 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng